TAND THỊ XÃ PHỔ YÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19/2022/QĐST-HNGĐ	*Phổ Yên, ngày 26 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 223/2021/TLST-HN&GĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thu G, sinh năm: 198x;

Địa chỉ: TDP Đ X, phường B B, thị xã PY, tỉnh TN

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm: 198x;

ĐKHK: Xóm C, xã Đ X, huyện P B, tỉnh T N.

Tạm trú: TDP Đ X, phường B B, thị xã PY, tỉnh TN.

Căn cứ các Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17/01/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu G và anh Nguyễn Tuấn A.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu G và anh Nguyễn Tuấn A đều xác định không còn tình cảm nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2.Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu G và anh Nguyễn Tuấn A thỏa thuận việc nuôi dưỡng con chung như sau:

Chị Nguyễn Thị Thu G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Nguyễn Thị Hà A, sinh ngày 15/12/201x cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nguyễn Tuấn A vì chị G không yêu cầu.

Anh Nguyễn Tuấn A được quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con chung.

2.3.Tài sản chung: Chị G, anh Tuấn A đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, khoản cho vay chung: Hai bên xác định không cho ai vay nợ và cũng không nợ ai nên không đặt ra việc giải quyết.

2.4.Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu G và anh Nguyễn Tuấn A thỏa thuận: Chị G tự nguyện nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên theo biên lai thu số 0001856 ngày 01/10/2021. Trả lại chị G 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn lại.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã , phường
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
-Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hải Chiều